

BẢNG TÍNH VÀ THANH TOÁN LƯƠNG KHỐI VĂN PHÒNG

Đơn vị: 05-Phòng Thông gió và thoát nước mỏ  
Tháng 1 năm 2021

| Stt       | SDB      | Tên                 | Chức danh    | Mức LCB    | Lương SP |    |            | Lương CN+trực Tết |           | Lương 100% |           | Lương khác |         | Giờ PN | Tổng thu nhập | Các khoản phải trừ |         |         |         |          |           |                |            |           | Tổng giảm trừ | Còn lĩnh   | Ký nhận |
|-----------|----------|---------------------|--------------|------------|----------|----|------------|-------------------|-----------|------------|-----------|------------|---------|--------|---------------|--------------------|---------|---------|---------|----------|-----------|----------------|------------|-----------|---------------|------------|---------|
|           |          |                     |              |            | Công g   | XL | Lương      | Công g            | Lương     | Công g     | Lương     | Công g     | Lương   |        |               | BHXH               | BHYT    | BHTN    | ĐPCĐ    | Quỹ HĐXH | BHTT      | Phí ở chung cư | Tiền ăn DV | Thuế TNCN |               |            |         |
| 1         | 01       | Tổ quản lý          |              |            | 66       |    | 40.014.000 | 1                 | 523.000   | 9          | 3.659.962 | 1          | 500.000 |        | 44.696.962    | 2.478.300          | 464.800 | 309.900 | 397.700 | 165.000  | 500.000   | 321.100        | 312.000    | 727.421   | 5.676.221     | 39.020.741 |         |
| 1         | HL-01395 | Cù Như Quyền        | Trưởng phòng | 10.697.000 | 18       | A  | 14.810.000 |                   |           | 7          | 2.879.962 |            |         |        | 17.689.962    | 855.800            | 160.500 | 107.000 | 149.000 | 55.000   | 250.000   | 321.100        | 312.000    | 557.166   | 2.767.566     | 14.922.396 |         |
| 2         | HL-03588 | Nguyễn Bá Dũng      | Phó phòng    | 10.483.000 | 24       | A  | 12.602.000 |                   |           | 1          | 403.192   | 1          | 500.000 |        | 13.505.192    | 838.700            | 157.300 | 104.900 | 124.000 | 55.000   | 250.000   |                |            | 170.255   | 1.700.155     | 11.805.037 |         |
| 3         | HL-06668 | Trần Tùng Bách      | Phó phòng    | 9.797.000  | 24       | A  | 12.602.000 | 1                 | 523.000   | 1          | 376.808   |            |         |        | 13.501.808    | 783.800            | 147.000 | 98.000  | 124.700 | 55.000   |           |                |            |           | 1.208.500     | 12.293.308 |         |
| 2         | 08       | Tổ chuyên viên      |              |            | 115      |    | 43.674.000 | 3                 | 1.150.000 | 10         | 2.504.924 |            |         | 63.789 | 47.392.713    | 2.483.400          | 465.800 | 310.500 | 441.400 | 275.000  | 500.000   |                |            |           | 4.476.100     | 42.916.613 |         |
| 4         | HL-04263 | Nguyễn Quốc Tuấn    | Chuyên viên  | 5.609.000  | 24       | A  | 9.251.000  |                   |           | 1          | 215.731   |            |         |        | 9.466.731     | 448.800            | 84.200  | 56.100  | 88.800  | 55.000   |           |                |            |           | 732.900       | 8.733.831  |         |
| 5         | HL-00086 | Lê Văn Phụng        | Chuyên viên  | 6.818.000  | 24       | A  | 9.250.000  | 2                 | 812.000   | 1          | 262.231   |            |         |        | 10.324.231    | 545.500            | 102.300 | 68.200  | 96.100  | 55.000   |           |                |            |           | 867.100       | 9.457.131  |         |
| 6         | HL-00174 | Vũ Ngọc Thanh Cương | Chuyên viên  | 6.818.000  | 19       | A  | 7.757.000  |                   |           | 6          | 1.573.385 |            |         |        | 9.330.385     | 545.500            | 102.300 | 68.200  | 86.100  | 55.000   | 250.000   |                |            |           | 1.107.100     | 8.223.285  |         |
| 7         | HL-00977 | Lê Ngọc Cương       | Chuyên viên  | 5.609.000  | 24       | A  | 9.251.000  | 1                 | 338.000   | 1          | 215.731   |            |         |        | 9.804.731     | 448.800            | 84.200  | 56.100  | 92.200  | 55.000   |           |                |            |           | 736.300       | 9.068.431  |         |
| 8         | HL-00321 | Phạm Thị Thanh      | Chuyên viên  | 6.184.000  | 24       | A  | 8.165.000  |                   |           | 1          | 237.846   |            |         | 63.789 | 8.466.635     | 494.800            | 92.800  | 61.900  | 78.200  | 55.000   | 250.000   |                |            |           | 1.032.700     | 7.433.935  |         |
| Tổng cộng |          |                     |              |            | 181      |    | 83.688.000 | 4                 | 1.673.000 | 19         | 6.164.886 | 1          | 500.000 | 63.789 | 92.089.675    | 4.961.700          | 930.600 | 620.400 | 839.100 | 440.000  | 1.000.000 | 321.100        | 312.000    | 727.421   | 10.152.321    | 81.937.354 |         |

Quảng Ninh, ngày 24 tháng 2 năm 2021  
P.GIÁM ĐỐC

LẬP BIỂU

PHÒNG TCNS

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Mã Thành Trung

Nguyễn Văn Thóa

Đặng Thanh Lam

Phạm Văn Hùng